TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HS-ST
Ngày 06-06-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Công Tồn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Lý.

Bà Phạm Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2024/HSST-QĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1978 tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: Hẻm S đường N, thôn A xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phi H, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1950; có vợ Hà Thị Kim T1, sinh năm 1984 và 02 người con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Lê Văn T bị tạm giữ từ ngày 02-11-2023 đến ngày 08-11-2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976; địa chỉ: Hẻm S đường N, thôn A xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Lê Thị Thúy H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A đường N, thôn B xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bà Phan Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo

Lê Văn T và anh Nguyễn Văn T2 có mối quan hệ anh em cột chèo và sinh sống gần nhà nhau tại hẻm S đường N, thôn A xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. T biết việc anh T2 làm nhân viên lái xe và thu tiền hàng cho Công ty sữa tại Thôn F xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; sau khi thu tiền hàng của Công ty A T2 thường đem tiền cất giữ ở phòng ngủ nhà riêng vào buổi tối, đến sáng hôm sau mới giao nộp cho công ty N1 đã nảy sinh ý định trộm cắp.

Vào khoảng 06 giờ ngày 02-11-2023, T một mình đi sang nhà anh T2 theo lối cửa chính (cửa cổng không khóa) thì thấy anh T2 đang tắm, con gái anh T2 đang ngủ. T liền mở cửa rồi đi vào phòng ngủ của anh T2 (cửa phòng không khoá), T thấy 01 ba lô màu đen nên đã đi đến mở dây kéo khoá ba lô ra lấy trộm 01 bịch ni lông màu hồng đựng số tiền 258.466.000 (hai trăm năm mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) bao gồm các tờ tiền mệnh giá từ 1.000 đến 500.000 đồng rồi bỏ đi về nhà. Về đến nhà, T rút 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 (năm mươi ngàn đồng), tổng cộng là 100.000 (một trăm ngàn đồng) để đi mua rượu và thuốc lá ở tiệm T3 số 139 đường N, thôn B xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai (do bà Lê Thị Thúy H1, sinh năm 1979, làm chủ); số tiền còn lại, T để trong bịch ni lông rồi cất ở đường luồng bên phải nhà T. Sau khi tắm xong, anh T2 phát hiện bị mất trộm tiền nên đã trình báo sự việc cho cơ quan Công an. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày, T được cơ quan Công an mời lên trụ sở làm việc. Tại đây, T đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 bịch ni lông màu hồng đựng số tiền 258.366.000 (hai trăm năm mươi tám triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), gồm các tờ tiền mệnh giá từ 1.000 đồng đến 500.000 đồng, cụ thể:

+ Tờ tiền mệnh giá 500.000 (năm trăm ngàn đồng): 283 (hai trăm tám mươi ba tờ), tổng trị giá 141.500.000 đồng (một trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng);

+ Tờ tiền mệnh giá 200.000 (hai trăm ngàn đồng): 353 (ba trăm năm mươi ba tờ), tổng trị giá 70.600.000 đồng (bảy mươi triệu sáu trăm ngàn đồng);

+ Tờ tiền mệnh giá 100.000 (năm trăm ngàn đồng): 312 (ba trăm mười hai tờ), tổng trị giá 31.200.000 đồng (ba mươi mốt triệu hai trăm ngàn đồng);

+ Tờ tiền mệnh giá 50.000 (Năm mươi ngàn đồng): 300 (ba trăm tờ), tổng trị giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);

+ Tờ tiền mệnh giá 20.000 (hai mươi ngàn đồng): 02 (hai tờ), tổng trị giá 40.000 đồng (bốn mươi ngàn đồng);

+ Tờ tiền mệnh giá 10.000 (mười ngàn đồng): 01 (một tờ), tổng trị giá 10.000 đồng (mười ngàn đồng);

+ Tờ tiền mệnh giá 5.000 (năm ngàn đồng): 02 (hai tờ), tổng trị giá 10.000 đồng (mười ngàn đồng);

+ Tờ tiền mệnh giá 2.000 (hai ngàn đồng): 02 (hai tờ), tổng trị giá 4.000 đồng (bốn ngàn đồng);

+ Tờ tiền mệnh giá 1000 (một ngàn đồng): 02 (hai tờ), tổng trị giá 2.000 đồng (hai ngàn đồng).

b) Về các vấn đề khác của vụ án

** Về vật chứng:*

- Số tiền 258.366.000 đồng thu giữ được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai đã trả lại cho chủ tài sản là anh Nguyễn Văn T2. Sau khi nhận lại tài sản nêu trên, anh T2 không có yêu cầu gì thêm.

- Đối với số tiền 100.000 đồng Thanh đi mua rượu, thuốc lá tại tiệm T3 ở số A đường N, thôn B xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi T đến mua rượu và thuốc lá với số tiền 100.000 đồng thì bà Lê Thị Thúy H1 đã trả tiền hàng hết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai không thu giữ được.

** Về dân sự:* Lê Văn T đã tác động gia đình bồi thường cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 100.000 đồng. Sau khi nhận lại số tiền 100.000 đồng, anh T2 không có yêu cầu gì thêm và tự nguyện viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát

Bản cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 28-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lê Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố. Đồng thời cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Văn T;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

*Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T2 đã nhận lại số tiền 100.000 đồng bị cáo bồi thường, anh T2 không có yêu cầu gì thêm về dân sự, nên không xem xét.

*Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị Cáo Lê Văn T không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Thời gian qua bị cáo đã hối hận, nhận ra lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về, làm ăn làm người có ích cho xã hội, chăm lo gia đình và các con đang còn nhỏ dại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tuy nhiên người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có tại hồ sơ, nên có cơ sở xác định: Vào khoảng 06 giờ, ngày 02 tháng 11 năm 2023, tại nhà của anh Nguyễn Văn T2 thuộc Thôn A xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của anh T2, bị cáo Lê Văn T đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp số tiền 258.466.000 đồng (*hai trăm năm mươi tám*

triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) của bị hại Nguyễn Văn T2. Cùng ngày, bị cáo Lê Văn T đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

[4] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Lê Văn T thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội, đã phạm vào tội: *"Trộm cắp tài sản",* tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tổng trị giá tài sản bị cáo T chiếm đoạt là 258.466.000 đồng, nên hành vi của bị cáo T đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng: "*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 28-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố bị cáo Lê Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác không được xâm phạm, nhưng vì cần tiền nhanh để thõa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã cố ý chiếm đoạt số tiền 258.466.000 đồng của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo làm mất an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý bất an cho nhân dân tại địa phương, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt nghiêm khắc bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt; quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đề nghị cho bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt là có cơ sở cần chấp nhận. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử cần phải áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy theo lời khai tại phiên tòa và các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện bị cáo không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với bà Lê Thị Thúy H1 là chủ tiệm tạp hoá H1, người bán thuốc lá và rượu cho bị cáo T, quá trình điều tra xác định khi bán thuốc lá và rượu cho bị

cáo T với số tiền 100.000 đồng, bà H1 không biết được đây là tiền do bị cáo T chiếm đoạt được của anh T2 mà có, do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai không xử lý bà H1 về hình sự là phù hợp.

[11] Đối với Số tiền 258.366.000 đồng thu giữ được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho chủ tài sản là anh Nguyễn Văn T2 là phù hợp.

[12] Đối với số tiền 100.000 đồng bị cáo T đi mua rượu, thuốc lá tại tiệm T3 ở số A đường N, thôn B xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi bị cáo T đến mua rượu và thuốc lá với số tiền 100.000 đồng thì bà Lê Thị Thúy H1 đã trả tiền hàng hết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai không thu giữ được Hội đồng xét xử không đề cập.

[13] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 02 tháng 11 năm 2023).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Công an TP.Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tồn